

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Bản án số: 27/2023/KDTM-ST
Ngày: 21 – 3 – 2023.
*V/v tranh chấp hợp đồng
mua bán hàng hóa*

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Anh Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hải Đăng

2. Ông Nguyễn Văn Tiệp

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Tiến, Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 02 năm 2023 và ngày 21 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại sơ thẩm, thụ lý số 73/2015/TLST-KDTM ngày 27 tháng 10 năm 2015 về việc “Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2023/QĐXXST-KDTM ngày 01 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 69/2024/QĐST-KDTM ngày 28/02/2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty cổ phần gạch khối TKN,

Trụ sở: 60 ĐD, phường TĐ, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo pháp luật: ông Phan Hoài T – Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: bà Trương Thị Mỹ H, sinh năm: 1978 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ liên hệ: xã HLB, huyện LV, tỉnh ĐT.

(Giấy ủy quyền số 06/2015/GUQ/E-BLOCK ngày 05/10/2015 của Công ty cổ phần gạch khối TKN).

Bị đơn: Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại KP,

Trụ sở: 21A GD, phường TQ, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: ông Hồ T – Tổng giám đốc.

Địa chỉ liên hệ: 18/13>NNL, phường PTH, quận TP, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn có bà Trương Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 28/7/2014, Công ty cổ phần gạch khối TKN (công ty TKN) và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại KP (công ty KP), ký kết hợp đồng mua bán số 33/HĐMB/TKN-2014 về việc mua bán vữa xây và vữa tô thương hiệu E-Block cho công trình First Home TL, quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

Từ ngày ký hợp đồng đến ngày 27/10/2014 công ty TKN đã giao hàng 07 đợt và xuất 06 hóa đơn giá trị gia tăng. Ngày 22/12/2014 hai bên đối chiếu khối lượng và công nợ thì công ty TKN đã giao cho công ty KP khối lượng hàng hóa có giá trị 254.920.000 đồng, công ty KP đã tạm ứng thanh toán là 89.799.998 đồng, số tiền còn nợ chưa thanh toán là 165.120.000 đồng.

Ngày 22/12/2014 công ty TKN có công văn số 130/TKN-14 đề nghị công ty KP thanh toán số tiền còn nợ 165.120.000 đồng trước ngày 31/12/2014.

Công ty TKN đã ban hành nhiều công văn nhắc nợ nhưng công ty KP vẫn không có thiện chí thanh toán.

Nay nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền 165.120.000 đồng và tiền lãi do chậm thanh toán với mức lãi suất 6%/năm, tính từ ngày 01/01/2015 cho đến khi xét xử. Yêu cầu thực hiện thanh toán một lần ngay sau khi xét xử.

Tòa án không tiến hành hòa giải được do bị đơn công ty KP đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn cố tình vắng mặt.

Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập tham gia phiên họp và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng công ty KP đều vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty TKN có đơn đề nghị xét xử vắng mặt;

Bị đơn công ty KP vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm như sau:

+ Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đều tuân theo đúng pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án theo quy định tại các Điều 21, 26, 35, 39, 48, 51, 63, 68, 70, 71, 72, 93, 94, 95, 171, 173, 177, 220, 228, 234, 239, 248 và Điều 260 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

+ Việc giải quyết vụ án của Hội đồng xét xử: Căn cứ hợp đồng mua bán số 33/HĐMB/TKN – 2014 ngày 28/7/2014; căn cứ Điều 93, 94 và 95 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 50 và Điều 306 Luật Thương mại, chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2015, nguyên công ty cổ phần gạch khô TKN khởi kiện yêu cầu bị đơn công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại KP trả tiền hàng chưa thanh toán cùng với lãi suất chậm trả, do các bên đã thỏa thuận theo hợp đồng mua bán số 33/HĐMB/TKN – 2014 ngày 28/7/2014 nên giữa các bên đã hình thành quan hệ kinh doanh

thương mại về mua bán, phân phối hàng hóa và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại quận Tân Phú nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt đương sự:

Bà Trương Thị Mỹ H là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn công ty TKN có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên Tòa. Tòa án nhân dân quận Tân Phú đã tiến hành tổng đạt trực tiếp cho bị đơn công ty KP thông báo thụ lý, thông báo phiên hòa giải, giấy triệu tập tham gia hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa và quyết định hoãn phiên tòa nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do và không vì sự kiện bất khả kháng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tiến hành phiên tòa xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn.

Căn cứ Bản đối chiếu công nợ ngày 22/12/2014 giữa công ty TKN và công ty KP, nguyên đơn có đơn khởi kiện đề ngày 05/10/2015 nên còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 319 Luật thương mại.

[3]. Về yêu cầu của đương sự:

- Đối với số tiền nợ gốc: nguyên đơn công ty TKN khởi kiện yêu cầu công ty KP thanh toán số tiền 165.120.002 đồng và tiền lãi chậm trả với mức lãi suất 6%/năm, tính từ ngày chậm trả (01/01/2015) cho đến khi xét xử. Yêu cầu thực hiện thanh toán một lần ngay sau khi xét xử.

Quá trình tố tụng, công ty KP không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các chứng cứ tài liệu có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo quy định tại khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Bản đối chiếu công nợ ngày 22/12/2014 giữa công ty TKN và công ty KP, bị đơn xác nhận số tiền còn nợ nguyên đơn là 165.120.002 (một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm hai mươi ngàn, không trăm lẻ hai) đồng.

Hội đồng xét xử xét thấy, đại diện hợp pháp của nguyên đơn và đại diện hợp pháp của bị đơn đều thống nhất xác nhận giữa nguyên đơn và bị đơn có giao dịch làm ăn với nhau, việc giao dịch này hoàn toàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Và các bên cũng thống nhất số tiền hàng mà công ty KP chưa thanh toán cho công ty TKN là 165.120.002 (một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm hai mươi ngàn, không trăm lẻ hai) đồng. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên buộc bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền trên là có căn cứ, phù hợp với Điều 50 Luật thương mại.

- Đối với yêu cầu tính lãi của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ Điều 6.2.6 của hợp đồng mua bán số 33/HĐMB/TKN – 2014 ngày 28/7/2014 mà các bên đã ký: “... nếu bên A vi phạm nghĩa vụ thanh toán ... bên A phải chịu mức phạt bằng với lãi suất tín dụng quá hạn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tính từ ngày hết hạn thanh toán ”.

Do bị đơn chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán nên nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền nợ mua hàng là có căn cứ theo quy định tại Điều 306 Luật thương mại.

Tại phiên toà hôm nay, nguyên đơn yêu cầu tính lãi chậm thanh toán với mức lãi suất 6%/năm. Căn cứ mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 ngân hàng thương mại quy định tại Điều 11 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, yêu cầu lãi suất của nguyên đơn là có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo Bản đối chiếu công nợ ngày 22/12/2014 giữa công ty TKN và công ty KP, bị đơn xác nhận số tiền còn nợ nguyên đơn là 165.120.002 (một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm hai mươi ngàn, không trăm lẻ hai) đồng. Và tại công văn số 130/TKN-14 ngày 22/12/2014 của công ty TKN về việc đề nghị công ty KP thanh toán số tiền còn nợ trước

ngày 31/12/2014. Do đó, thời gian chậm trả của bị đơn được tính từ ngày 01/01/2015 cho đến khi xét xử (ngày 21/3/2023) là 3.001 ngày, cụ thể tiền lãi được tính như sau: $165.120.002 \text{ đồng} \times 3.001 \text{ ngày} \times 6\%/365 = 81.456.185$ (tám mươi một triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, một trăm tám mươi lăm) đồng.

Như vậy, tổng cộng gốc và lãi bị đơn phải thanh toán cho nguyên đơn là $165.120.002 \text{ đồng} + 81.456.185 \text{ đồng} = 246.576.187$ (hai trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm tám mươi bảy) đồng.

Về thời hạn: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn thanh toán một lần, ngay sau khi án có hiệu lực.

[5] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[6] Về án phí: do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí kinh doanh, thương mại sơ thẩm là: 12.328.809 đồng theo quy định tại Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 4.319.264 đồng cho nguyên đơn, theo biên lai thu số 0001569 ngày 20/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 228, Điều 264, 266, 267, 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 50, 55 và Điều 306 Luật thương mại 2005;
- Điều 146 Bộ luật dân sự 2015;

- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty cổ phần gạch khối TKN.

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại KP phải thanh toán cho Công ty cổ phần gạch khối TKN số tiền 246.576.187 (hai trăm bốn mươi sáu triệu, năm trăm bảy mươi sáu ngàn, một trăm tám mươi bảy) đồng; trong đó nợ gốc là 165.120.002 (một trăm sáu mươi lăm triệu, một trăm hai mươi ngàn, không trăm lẻ hai) đồng; tiền lãi là 81.456.185 (tám mươi một triệu, bốn trăm năm mươi sáu ngàn, một trăm tám mươi lăm) đồng. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Buộc Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại KP phải nộp số tiền án phí là 12.328.809 (mười hai triệu, ba trăm hai mươi tám ngàn, tám trăm lẻ chín) đồng.

Hoàn lại cho Công ty cổ phần gạch khối TKN số tiền tạm ứng án phí là 4.319.264 (bốn triệu, ba trăm mười chín ngàn, hai trăm sáu mươi bốn) đồng theo biên lai thu số 0001569 ngày 20/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Công ty cổ phần gạch khối TKN và Công ty cổ phần đầu tư xây dựng và thương mại KP được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hợp lệ hoặc bản án được niêm yết. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên trực tiếp được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP. HCM;
- VKSND quận Tân Phú;
- Chi cục THADS quận Tân Phú;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Anh Tuấn